

DU KÝ VIẾT VỀ SÀI GÒN-GIA ĐỊNH NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX TỪ ĐIỂM NHÌN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI^(*)

NGUYỄN HỮU SƠN^(**)

TÓM TẮT

Từ trước 1945, thể tài du ký đã được nhiều tác giả sử dụng để viết về Sài Gòn-Gia Định như Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh, Mẫu Sơn Mục, Tân Đà, Thiều Sơn, Biệt Lam Trần Huy Bá, L.T.K, Trúc Hà, v.v. Đến nay, nhiều tác phẩm du ký đã được sưu tập, tuyển chọn, in lại trong một số bộ hợp tuyển, tuyển tập và biệt tập văn chương. Bài viết phân tích nội dung, đặc điểm cơ sở kinh tế-văn hóa, ý nghĩa lịch sử các tác phẩm tiêu biểu viết về Sài Gòn-Gia Định. Xác định những đánh giá của người đương thời về vị thế tiên phong của vùng văn hóa Sài Gòn-Gia Định giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX trong tương quan lịch sử-xã hội các vùng miền trong cả nước. Nhận diện hình ảnh Sài Gòn-Gia Định qua một thế kỷ. Nhấn mạnh những tương đồng trong sự cảm nhận của người đọc về quá trình giao lưu-hội nhập và phát triển giữa hai giai đoạn lịch sử.

^(*) Bài viết là tham luận Hội nghị Thông báo kết quả nghiên cứu khoa học xã hội Nam bộ 2008, do Viện Phát triển Bền vững vùng Nam bộ phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM tổ chức, ngày 7-8/11/2008, tại TPHCM.

^(**) Phó Giáo sư, tiến sĩ. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

1. Thể tài du ký là một bộ phận văn học còn chưa được quan tâm nghiên cứu, giới thiệu đúng mức. Khi nói đến “thể tài du ký” cần được hiểu nhấn mạnh hơn ở phía đề tài, phía nội dung và cảm hứng nghệ thuật người viết chứ không phải ở phía thể loại. Thu hút vào địa hạt du ký có các sáng tác bằng thơ, phú và các bài văn xuôi theo phong cách ký, ký sự, ghi chép, hồi ức về các chuyến đi, các điểm du lịch, các điểm di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và có thể liên quan tới nhiều phương diện văn hóa học, xã hội học, dân tộc học khác nữa⁽¹⁾.

2. Tìm lại các nguồn sách báo trước năm 1945 chúng tôi thấy xuất hiện nhiều trang du ký của người bốn phương viết về Sài Gòn-Gia Định như Sĩ Tài Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh, Mẫu Sơn Mục, Thiều Sơn, Biệt Lam Trần Huy Bá, L.T.K, Đông Hồ, Trúc Hà, v.v. Đến nay, nhiều tác phẩm du ký thuộc giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX đã được sưu tập, tuyển chọn, in lại trong một số bộ hợp tuyển, tuyển tập, tổng tập và biệt tập văn chương...

2.1. Tác gia xứ dừa Bến Tre Trương Vĩnh Ký (1837-1898) là người đi nhiều, hiểu nhiều, viết nhiều. Ông có hai tác phẩm thuộc thể tài du ký là *Ghi về vương quốc*

Khme (1863) và *Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi* (1876) được coi như những văn bản thuộc loại sớm nhất ở bộ phận văn học chữ Quốc ngữ. Nói riêng với *Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi* (in tại Sài Gòn năm 1881), xin chỉ dẫn đoạn mở đầu và phần kết.

"Năm Ất Hợi (1876), bãi trường tham biện vừa xong, vùng tính đi ra Bắc chơi một chuyến cho biết. Trong bụng muốn cũng đã lâu; nên xin với quan trên, nhơn dịp chiếc tàu Duchaffaud đi mà đi. Về sắm hòm rương áo quần. Rủ thầy quan Hớn với ông sáu Thìn, nguyên một người ở tỉnh Bắc Ninh, một người ở Sơn Tây mà vào trong Nam kỳ đã lâu, đi theo trước là cho có bạn, sau nữa là cho họ về thăm quê quán.

Qua ngày 18 tháng Chạp đề huề xuống tàu. Sớm mai giờ thứ 9 rưỡi nhổ neo. Vợ con đi đưa, ngồi xe đi rảo trên bờ cho đến tàu quày trở rồi riu riu chạy xuống đôn Cá Trê, mới về. Xế giờ thứ hai ra cửa Cần Giờ, chỉ mũi chạy ra mũi Né (...).

Sau hết từ giã quan quyền Tây Nam và kẻ quen biết hết cả, ngày thứ 7, 21 tháng 3 (le 15 avril), giờ thứ 1 xuống tàu, qua giờ thứ 3 chạy ra ngã cửa Cấm; chạy luôn qua ngày thứ hai giờ thứ 10 vô vũng Hàn bỏ neo đậu lại; trên thuyền đem ông trạm xuống, giờ thứ nhất lấy neo chạy ngay về Gia Định, giờ thứ 5 sáng ngày thứ 5 là 26 tháng 3 (20 avril) vào cửa Cần Giờ. Giờ thứ 11 lên tới Gai Gòn gieo neo đậu lại. Mướn đồ chờ đồ và người về thẳng nhà. Trong nhà không ai dè, vô tới bên mới hay"⁽²⁾.

Mặc dù nội dung chính yếu của thiên du ký là cuộc sống và cảnh quan Bắc bộ nhưng sự mô tả ngày ra đi và ngày trở về (tương ứng với đoạn mở đầu và kết thúc tác phẩm) cũng cho thấy phần nào khung cảnh Sài Gòn-Gia Định khoảng cuối thế kỷ XIX...

2.2. Vào cuối thập niên thứ hai của thế kỷ XX, Phạm Quỳnh (1892-1945) cũng đã đến Sài Gòn-Gia Định và để lại những trang du ký sinh động. Chuyến đi của Phạm Quỳnh nhằm ngày 22/8/1918 theo đường tàu biển Hải Phòng, đến ngày thứ tư cập cảng sông Sài Gòn. Qua suốt hai tuần lễ đầu "chỉ chơi quanh ở Sài Gòn, Gia Định", ông Chủ nhiệm kiêm Chủ bút Tạp chí Nam Phong ở tuổi 26 đã ghi lại cảm xúc và nhận xét sâu sắc về thiên nhiên, con người và cuộc sống, từ con đường đến dinh thự, công sở, từ tác phong làm việc đến hoạt động kinh tế và văn hóa, đặc biệt nhấn mạnh sự phát triển mạnh mẽ của báo chí Nam kỳ. Trên mỗi lĩnh vực cụ thể, Phạm Quỳnh thường có những so sánh kỹ lưỡng với thực trạng ở Hà Nội và Bắc kỳ.

Vừa bước chân đến Sài Gòn, Phạm Quỳnh đã có nhận xét đầy thiện cảm về phong cách nghiêm túc của những người phụ việc: "Quan cảnh sát lên kiểm giấy thông hành, ước một khắc đồng hồ thì cu ly mỗi đứa cái thẻ đồng ở tay ồ vào tranh nhau khiêng đồ hành lý. Tuy vậy coi còn nghiêm hơn cu ly Hải Phòng, vì bọn đó chừng có pháp luật riêng phải theo, không dám làm những"⁽³⁾ (tr. 158).

Chính nhờ có điều kiện đi nhiều nên Phạm Quỳnh có điều kiện so sánh, thấy rõ những sự tương đồng và cái khác biệt, nhấn mạnh cái mới ở vùng đất mới: "Người ta thường gọi Sài Gòn là cái "hạt báu của Á Đông" (*la perle de l'Extrême Orient*)". Ông so sánh đường phố, công sở và kiến trúc hai phủ Toàn quyền Sài Gòn-Hà Nội: "Đẹp nhất, coi trang nghiêm nhất là con đường đi thẳng vào phủ Toàn quyền (người Sài Gòn thường gọi là tòa Chánh soái). Hai bên có hai khu vườn trồng những cây lớn, tối trông

như hai đám rừng nhỏ, ở giữa một con đường rộng chạy thẳng băng tự đầu tỉnh đặng kia cho tới ngang cửa phủ. Coi thật là có bề thế, có vẻ tôn nghiêm, xứng đáng với một nơi tướng phủ. Mà phủ Toàn quyền ở đây, quy mô cũng đẹp hơn ở Hà Nội. Phủ Toàn quyền Hà Nội tựa hồ như một đồng gạch xếp vuông, trông có vững vàng bền chặt mà nặng nề biết bao nhiêu! ở Sài Gòn thì như hình chữ *đình*, nét ngang trên là chính đình, nét sổ dưới là các tư tào. Mặt trước ở gian giữa có bậc lên, hai bên hai con đường dốc quanh lại như hình bán nguyệt, trông ra cái vườn rộng thênh thang, giữa có bãi cỏ phẳng lì như một tấm thảm xanh, trên chỉ trồng hai khóm trúc in nhau như hệt" (tr. 160-161)...; so sánh hai dinh Đốc lý: "Nhưng đẹp nhất là nhà Thị Sảnh Sài Gòn (...). Kiểu đại khái cũng giống như các nhà thị sảnh bên Tây, trên có cái chòi vuông mấy tầng cao chót vót (...). Chẳng bì với nhà Đốc lý Hà Nội ta, thật so sánh mà thẹn thay. Mà Hà Nội lại là nơi thủ đô của Đông Dương (...). Xin các ông hội viên phải lưu tâm đến sự đó, thật là có quan hệ cho danh dự Hà Thành ta" (tr. 161)...; so sánh hai nhà thờ: "Nhà thờ Sài Gòn tuy không có cái nền đá cao như nhà thờ Hà Nội mà có hai cái tháp nhọn cao ngất trời, những khi trời sáng sủa đi tự ngoài Vũng Tàu (Cap Saint Jacques) cũng trông rõ" (tr. 161-162)...; so sánh hai khu chợ: "Còn Chợ Mới Sài Gòn cũng có cái nhà chòi ở cửa giữa thật là vĩ đại, vừa cao vừa vững vàng lực lưỡng, coi như một cái pháo đài vậy. Mà trong chợ thì rộng mênh mông, chợ Đồng Xuân Hà Nội chẳng thấm vào đâu" (tr. 162)... Rồi Phạm Quỳnh hào hứng so sánh trên tổng thể: "Nói tóm lại, cái hình thức của thành phố Sài Gòn sánh với thành phố Hà Nội còn hơn nhiều. Từ cách đặt

đường phố cho đến cách dựng cửa nhà, từ cách thấp đèn điện cho đến cách đặt máy nước ở các nhà, cho đến cách tuần phòng vệ sinh trong phố xá, nhất nhất đều có tiến bộ hơn Hà Thành ta cả. Ở Sài Gòn thật là có cái cảm giác một nơi đô hội mới, nghĩa là một nơi đô hội theo lối Tây. Vào đến Chợ Lớn thì lại ra cái cảm giác một nơi đô hội theo lối Tàu. Còn các châu thành khác ở lục tỉnh thì những nơi quan sỏ là Tây mà chốn phố phường là Tàu, phần An Nam thật ít lắm. Xét về phương diện đó thì những đô hội Bắc kỳ tuy coi cũ kỹ mà còn có cái vẻ An Nam hơn. Người khách ngoại quốc nào sang du lịch đây, nếu không có cái chủ ý quan sát phong tục người dân thì ở Sài Gòn sướng tiện hơn, nếu muốn biết cái chân tướng sự sinh hoạt dân An Nam thì cứ đi chơi qua phố phường Hà Nội cũng đủ làm một cái kho khảo cứu không cùng. Tuy vậy, các tỉnh thành khác không nói làm gì, mà Hà Nội đã là nơi thủ đô của Đông Dương thì về phần hình thức mới cũng không nên kém Sài Gòn mới là phải. Nếu cái hình thức mới cũng đủ mà cái đặc sắc cũ vẫn còn thì mới thật là xứng đáng vậy" (tr. 162-163)...

Đi sâu khảo sát thực địa và kiểm lại vốn tri thức lịch sử, Phạm Quỳnh lược tả địa giới Sài Gòn-Gia Định: "Gần Sài Gòn có tỉnh lỵ Gia Định cách đô thành một cây lô mét. Có con đường lớn đi vòng quanh... Nay có con đường xe lửa nhỏ, qua Gia Định, Gò Vấp, tới Hóc Môn. Đất Gia Định là đất cổ nhất ở Nam bộ, có quan hệ lịch sử bản triều nhiều lắm. Khi bản triều mới khai thác xứ Nam dựng cơ sở ở đây. Rồi sau Đức Cao Hoàng ta hưng đế nghiệp, đánh Tây Sơn, đặt Nam trấn cũng ở đó. Cho nên trước kia cái tên Gia Định thường dùng để chỉ chung cả đất Nam kỳ vậy" (tr. 174). Đồng thời Phạm

Quỳnh miêu tả kỹ lưỡng vị trí và đặc điểm "hai cái cổ tích có tiếng" là Lăng Ông (tức mộ và đền thờ Tả quân Lê Văn Duyệt) và Lăng Cha Cả (chỉ kiến trúc lăng mộ và bài văn bia Giám mục Bá-Đa-Lộc (tr. 175)...

Trong những ngày ở Sài Gòn, Phạm Quỳnh cảm thấy phần chần, tin tưởng: "Cho nên cái cảm giác của người mới bước chân tới đây là cái cảm giác vui, vui mà tin cậy ở cái tương lai, chứ không phải buồn mà thương tiếc cho sự ký vãng"... Trước hết là niềm vui và sự tin cậy nơi con người, những bậc trí giả đầy năng lực, những đồng nghiệp cần mẫn, năng động, những người cùng chí hướng mới lần đầu gặp mặt mà như quen thân tự bao giờ. Trong khoảng một tháng, Phạm Quỳnh đã gặp các ông chủ bút Nam kỳ tân báo (Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phú Khai), gặp cha con chính khách Diệp Văn Cương-Diệp Văn Kỳ và nhiều vị quan chức khác. Nhân thăm các bạn nhà báo, Phạm Quỳnh nêu rõ quan niệm và chức phận nghề làm báo cùng tình bằng hữu Bắc Nam: "Mấy bữa sau đi thăm các bạn "đồng nghiệp", tức là các anh em làm báo ở Sài Gòn. Gặp ông nào cũng được chuyện trò vui vẻ lắm, mới biết kẻ Nam người Bắc tuy ít dịp gần nhau thân nhau, mà mỗi lần biết nhau, thật là dễ nên cái tình thân ái vậy. Cho hay người một nước một nhà, dẫu xa cách mà cũng là anh em, miễn là đối với nhau lấy lòng thành thực, đừng có cái thói ghê lạnh người thương, thì khó gì mà chẳng nên thân mật được? Huống bọn mình lại cùng theo đuổi một nghề, tức là cái nghề khoa chuông gõ mõ trong quốc dân, đem những lời hay lẽ phải mà bàn bạc với bạn đồng bào, mong gây lấy một mối tư tưởng cảm tình chung, mưu cho nước nhà giống nhà sau này được cường mạnh về vang, có ngày được mở mặt mở mày với thế giới, thì

cái mục đích cao xa ấy há lại không đủ khiến cho ta đồng tâm hiệp lực mà cùng nhau đạt cho tới ru?" (tr. 165)... Quan sát hoạt động báo chí, Phạm Quỳnh xác định: "Báo giới trong Nam kỳ thịnh lắm, phát đạt hơn ngoài Bắc nhiều. Hiện có đến mười tờ báo bằng Quốc Ngữ (...). Cứ lấy cái "lượng" (*quantité*) mà xét thì thật đủ khiến cho Bắc kỳ, Trung kỳ phải thẹn với Nam kỳ rằng về đường ngôn luận còn chậm kém xa quá" (tr. 167-168)... Tiến thêm một bước, Phạm Quỳnh lý giải những khác biệt và ưu thế của vùng đất sách báo Nam kỳ từ chiều sâu đặc điểm cơ sở kinh tế-văn hóa và tâm lý xã hội: "Ta vừa nói nghề làm sách: nghề làm sách ở Nam kỳ cũng thịnh lắm, có phần lại thịnh hơn nghề làm báo nhiều. Tuy vài năm gần đây đã bớt đi nhiều mà trong khoảng năm năm mười năm về trước, cái số những sách Quốc Ngữ xuất bản ở Sài Gòn không biết bao nhiêu mà kể (...). Song có một điều nên chú ý, là báo nhiều như thế, sách nhiều như thế, mà bán được chạy, có nhiều người mua, thời cũng là một cái chứng rằng dân Nam kỳ có tính ham đọc sách và có tiền thừa mua sách. Như vậy là nếu có những báo thiết tốt, sách thiết hay cho mà đọc thì ích lợi biết bao nhiêu. Chẳng bù với dân Bắc kỳ, Trung kỳ, trăm người chưa được một người đọc thông chữ quốc ngữ, mười người đọc thông chữ Quốc Ngữ chưa được một người thích xem văn quốc ngữ, lại thêm dân nghèo, bỏ ra mấy đồng bạc mua báo một năm đã lấy làm một món tiền nặng; đến những bậc sĩ phu thì phần nhiều những quần quanh trong vòng danh lợi mà sao nhãng những việc văn chương; nghề làm báo làm sách thật không được đủ điều tiện lợi như Nam Kỳ. Cho nên khá tiếc thay cho những bậc trí thức trong Lục châu không

biết khéo lợi dụng cái cơ hội tốt ấy mà đặt để ra những sách vở hay có ích cho phong hóa, nỡ để cho cái lòng ham đọc sách của người dân ấy ngập vào những sách vở hoặc vô vị, hoặc tầm bậy không ra gì, thật uổng quá" (tr. 170-171)...

Không chỉ ở Sài Gòn-Gia Định, Phạm Quỳnh còn hằng hái đi thăm mấy tỉnh miền Tây, trải khắp Mỹ Tho, Cái Bè, Vĩnh Long, Sa Đéc, Long Xuyên, Cần Thơ và thức nhận biết bao điều mới mẻ về đời sống xã hội, cảnh quan, cư dân, ngôn ngữ, phong tục, tập quán con người nơi đây... Sau cuộc du ngoạn, sau tất cả những điều tai nghe mắt thấy, và trở về xứ Bắc, nhà văn hóa Phạm Quỳnh đi đến đoạn kết như một lời ước nguyện: "Tôi càng đi du lịch trong Nam kỳ lại càng thấy cái cảm giác rõ ràng rằng người Nam người Bắc thật là con một nhà, nếu biết đồng tâm hiệp lực thì cái tiền đồ của nước Nam ta không thể nào hạn lượng cho được. Tôi xin đốt lửa thắp hương mà cầu nguyện cho cái mối đồng tâm ấy ngày một bền chặt, thật là may mắn cho nước nhà lắm lắm" (tr. 253)...

2.3. Trên Tạp chí Nam Phong có du ký *Lược ký đi đường bộ từ Hà Nội vào Sài Gòn* của Mẫu Sơn Mục N.X.H (số 129, tháng 5/1928). Cái cơ, cái duyên của chuyến đi cũng thật tình cờ, tùy hứng: "Hôm mùng 3 tháng 8 ta trước tôi nhân về Hà Nội, gặp ông L., ông rủ tôi đến mùng 6 cùng đi Sài Gòn, vì ông đi ô tô một mình, muốn giữ tôi đi cho có bạn, tuy ngặt ngày và đồ hành lý thiếu thốn, tôi cũng nhận lời ngay, vì cuộc đi chơi đường bộ vào Huế và Sài Gòn là một cái mộng tưởng của tôi đã lâu"⁽⁴⁾... Đến Sài Gòn, ông ở lại sáu ngày, đặc biệt nhấn mạnh chuyện ăn mặc: "Nhân đây lại nói đến sự ăn mặc ở trong Sài Gòn

này: đàn bà sang trọng thì quần áo và khăn quàng đều là nhiều hoa trắng. Người làm ăn thì quần áo toàn vải đen, trên đầu vắt một cái khăn vải trắng, dòng dọc đen, dài độ ba bốn vuông áo toàn là hai ống tay chặt nít lại và gài khuy cổ cả (...). Ngắm kỹ ra thì đàn bà sang trọng nước mình, bỏ lối ăn mặc đàn bà mà bắt chước lối ăn mặc của đàn ông. Váy thì tất phải bắt chước lối váy của đàn bà Tây. Sắc ăn mặc của đàn bà nên dùng các thứ mùi sáng sủa tươi đẹp, chứ mùi thâm và mùi nâu xấu lắm. Người Tây thường kêu mùi nâu buồn và bẩn, mà họ khen mùi chàm của người Thổ mặc là đẹp. Giày thì phải đi giày Tây, mới cứng cáp và gọn gàng. Tóc thì tất phải bới, chứ rẽ đường ngôi giữa như ta, trông tro lắm, mà bới tóc cũng nên theo tựa tựa như đàn bà Tây, để tóc rủ xuống cho bớt cái trán đi mới đẹp; chứ bới tóc như người Trung Nam kỳ phơi cái trán lộ lồ ra, lại càng tro nữa. Nón cũng phải chế ra như các thứ mũ của đàn bà Tây mới tiện, chứ cái nón ta sùm sụp, không được đẹp và không tiện. Còn đàn ông thì nên ăn mặc theo lối Tây, cho tiện làm việc, duy chỉ sửa lại một đôi chút, cho hợp với xứ nóng mà thôi. Người đàn ông Nam kỳ ăn mặc lối ta áo dài chít khăn không có mấy nữa (vào chơi Nam kỳ nên ăn mặc Tây, chứ mặc ta thành ra lạ mắt người ta, mà mình cũng tự ngượng). Trừ một phần ít ăn mặc Tây, còn thì ăn mặc xềnh xoàng lắm, chỉ khăn xéo, áo cánh trắng, quần thâm" (tr. 39-41)... Mặc dù chỉ đi lướt qua Sài Gòn nhưng tác giả cũng kịp đưa ra những nhận định mang tầm chiến lược ở một miền đất mới: "Nói tóm lại, cái hình thể thành phố Sài Gòn là cái cửa bể, là cái đô hội miền nhiệt đới, là cái phong cảnh nhân tạo, cho nên phần nào nhiệt bề ngoài thì hơn Hà Nội, mà phần tôn nghiêm lặng

lẽ bề trong của Hà Nội thì cơ hồ không có... Cái đại thể xứ Nam kỳ là một cái kho thóc để giúp đỡ cho nhiều dân tộc ở bên Đông bề bề Thái Bình; là một cái quán hàng ở cạnh con đường các nước Âu Châu cần phải sang bên Cực Đông, là láng giềng với các nước Xiêm, mấy năm nay đã chinh bị riet về quân sự, và các nước Nam Dương quần đảo cũng đang tân tiến. Cái đại thể Nam kỳ ngày nay quan hệ như thế, vậy cái lịch sử Nam kỳ sau này há chẳng phải là một cái lịch sử quan trọng lắm thay" (tr. 42)...

2.4. Đến với Sài Gòn, thi sĩ Tân Đà (1888-1939) đã viết *Hai vườn bách thú* đăng trên Đông Pháp thời báo (số 635-1927), dự kiến sau đó sẽ in vào tập *Chơi còn chơi*. Đoạn văn có tính chất một phác thảo du ký, trong đó Tân Đà vừa mô tả vườn Bách thú Sài Gòn vừa đối sánh với Bách thú Hà Nội và nhấn mạnh sức hấp dẫn của Bách thú Sài Gòn: "Hà Nội và Sài Gòn là hai chỗ đại đô hội ở nước ta, người Pháp đều có lập vườn nuôi bách thú. Vườn Bách thú ở Hà Nội thời tôi đã rõ lắm, mới đây ở Sài Gòn chơi vườn Bách thú thời thấy phong cảnh có hơi khác, về loài cây cỏ có vẻ sầm uất hơn, mà các giống nuôi lại hơn lắm. Như loài chim thực nhiều, không biết hết được rõ tên, có cả gà rừng, gà gô; gà rừng có mái nuôi con, trông rất có cảnh trí. Về loài thú thời có như voi, như lợn rừng, đều là những vật ở Hà Nội hiện nay không có. Các hồ báo cũng nhiều mà cách nuôi cũng khác. Như vườn Bách thú ở Hà Nội thời chỗ nuôi hồ từng ô con, trên là mái ngói, dưới chung quanh có song sắt, bên trong lại có cái ô nhỏ con nữa để những lúc người vào quét rửa thời xưa cho các hồ chạy vào đó mà lấy then sắt chẹn ngang lại (...). Cho nên ở Hà Nội, mỗi khi lên chơi vườn Bách thú mà qua

qua tới chuồng hồ, thời chỉ thấy những con hồ đều nằm dài cả ra, có nhiều con nhắm mắt, dẫu ném đá cho nó tỉnh thời nó cũng chỉ hơi mở mắt rồi nhắm ngay lại mà thôi (...). Khi xưa, ở vườn Bách thú Hà Nội, hồ báo cũng nhiều, so với vườn Bách thú Sài Gòn này có lẽ nhiều hơn chứ không kém, vậy mà khoảng đầu xuân năm Đinh Mão đây, nhân dịp Tạp chí An Nam sắp đình bản, ở tòa báo nhà: sầu vô sự, một mình lại lên Bách thú chơi, qua đến chỗ nuôi hồ thời chỉ thấy hồ còn một con, báo còn một con (...). Khi đó tôi còn ở Hà Nội thời ở vườn Bách thú Hà Nội còn có một con hồ, sau khi tôi vào Nam đến nay thời không biết ở vườn Bách thú ngoài ấy ra làm sao. Cách nuôi hồ trong này so với ngoài Bắc là rộng rãi hơn (...). Đi chung quanh chỗ hồ ở, thấy có con nằm ở góc rào, có con đùa nước, có những con nằm trong mò đất thò đầu ra, thật là khoái hoạt hơn các bạn đồng chủng của nó ở ngoài Bắc, cho nên đến nay mà vườn Bách thú trong này còn có được nhiều hồ đến thế (...). Bóng tà dương soi ngang, ở vườn Bách thú Sài Gòn trở ra gặp có nhiều người Nhật Bản, cả đàn ông, đàn bà, còn trai, còn gái; hỏi ra thời hôm ấy có chuyến tàu ở Nhật Bản mới tới, cho nên đông người Nhật như thế, xem ý cũng cùng lên Bách thú chơi. Trông mặt mũi thân hình người Nhật Bản thực không khác mấy người An Nam"⁽⁵⁾... Có thể thấy mấy trang du ký ngắn gọn của Tân Đà không chỉ đơn thuần kể lại cuộc đi chơi, đi xem mà còn trực tiếp bày tỏ chính kiến trước cung cách quản lý một điểm văn hóa, khu bảo tồn bách thú, nơi du lịch, vui chơi, giải trí công cộng. Đây cũng là những tư liệu xác thực để hiểu thêm về quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa ở Sài Gòn thời thực dân.

2.5. Vào tháng 12/1942, tại Sài Gòn đã tổ chức hội chợ triển lãm toàn xứ Đông Dương. Các nhà văn, nhà báo Thiều Sơn, Trúc Hà, L.T.K và Biệt Lam Trần Huy Bá đã đến tham quan và viết bài đăng báo. Mỗi người từ những điểm nhìn khác nhau đã phản ánh rõ nét toàn cảnh hội chợ cũng như từng bộ môn, từng chuyên ngành và từng vùng văn hóa. Những bài viết nhân chuyến "đi xem" này có ý nghĩa giao thoa giữa thể tài du ký với các thể loại ký, ký sự, ghi chép, phóng sự, tản văn và đều in đậm phong cách "đi" và "xem", trước sau vẫn trung thành, đặt cược vào sự thực, hệ thống tư liệu và những điều mắt thấy tai nghe.

Trong số các cây bút trên, Thiều Sơn với bài viết *Ba lần đi xem hội chợ Sài Gòn* đã mô tả chi tiết quang cảnh hội chợ và bày tỏ niềm khâm phục: "Một tuần lễ trước ngày khai mạc, tôi đã kiểm cách vô coi hội chợ được một lần. Lúc đó còn là một sở tạo tác ngổn ngang nhưng đã thấy mọc lên những tòa nhà đồ sộ mà cách kiến trúc đã làm cho tôi phải ngạc nhiên và kính phục. Cái cao chót vót, cái rộng thênh thang, cái bệ vệ nghiêm trang, cái yêu kiều diễm lệ. Nhưng tuy mỗi cái mỗi vẻ đẹp riêng mà hết thấy đều cân đối, điều hòa, tỏ ra sự hùng hiệp thông minh giữa những tài trí đặc biệt (...). Lần thứ hai tôi đến là một ngày trước buổi khánh thành, nhằm bữa thứ sáu 18 Décembre. Tôi đã có một ý tưởng về kiến trúc, tôi còn cần thấy cách bài trí để trang điểm thân hình và bộ mặt cho cái công trình đồ sộ mới hoàn thành. Kế vị cho nhân viên trong công việc tạo tác, nay tới phiên những nhà mỹ thuật, những nhà chuyên môn và những nhà có trách nhiệm tổ chức trong những khu vực của mình. Bộ binh có, thủy binh có, không binh có, công chức có, thầy thợ có, thương gia và kỹ nghệ gia có,

nhưng phần nhiều khu vực nào cũng cần đến sự giúp đỡ của những tay khéo léo và những cặp mắt tinh thần của mấy họa sư và đoàn thanh niên họa sĩ của trường Mỹ thuật Gia Định (...). Trong một cuộc triển lãm nhiều ý nghĩa về kinh tế mà còn có người nghĩ đến và tổ chức những khu vực lịch sử và văn hóa, rồi cũng có kẻ tấp nập đến coi mà chú ý ân cần, tôi có cái cảm tưởng thiết tha về đời sống tinh thần cần bồi bổ (...). Người Pháp có thể tự hào rằng đã đào tạo nên được những viên kỹ sư, những bậc chuyên môn và nay đã thấy rằng những người đó đều có thể dùng được vào những việc lớn như việc tổ chức cuộc hội chợ này là một. Còn người Nam cũng có thể tin được ở cái tài trí của giống nòi và tức là tin ở tương lai của xứ sở... ở địa vị một nhà văn, tôi còn có một mối cảm tưởng khác là tôi đã tìm ra được vai tuồng của văn giới trong kỳ Hội chợ này đây. Chúng tôi cứ tưởng mãi là chúng tôi vô dụng. Nhưng sau khi Hội chợ đã khai mạc, chính chúng tôi mới bận rộn vô cùng. Nào tò mò quan sát, nào nghĩ ngợi băng khuâng, nào tìm hứng giữa cảnh lộn xộn tung bưng, lại nào thức đêm để viết bài ký thuật... Rồi đây Hội chợ sẽ có ngày bế mạc, nhưng biết đâu sau một thời gian lâu lắc, còn có kẻ hiếu kỳ lật tờ báo cũ, giờ cuốn sách xưa để tìm kiếm một vài cái kỷ niệm mà người đời đã quên mất"⁽⁶⁾ (Nam Kỳ tuần báo, số 18, tháng 12/1942).

Tiếp đến Trúc Hà với bài viết *Hội chợ năm nay có những gì?* đã có mấy lời dẫn chuyện: "Mời ngài cùng với chúng tôi đi vài vòng trong ấy xem qua đã. Rồi hiểu và không hỏi chi nữa"... Rồi tác giả đưa người xem qua khắp các gian hàng "Hải Lục Không quân", "Gian hàng Canh nông", "Trường Viễn Đông Bác cổ" và đi

đến phát biểu cảm tưởng chung: "Hội chợ năm nay không phải là một dịp để cho người ta đến mua bán, đến nô đùa, mặc dầu nó vẫn có nhiều chỗ mua vui và nhà chứa bạc. Ai muốn giải trí hoặc muốn sát phạt với nhau bằng đồng tiền, cứ lại ngay đó. Ngoài ra, các gian hàng khác là những bài học hiện hình ra để cho người chiêm nghiệm. Các năng lực hoạt động của dân chúng Đông Dương về các phương diện đều được trình bày ra ở đây bằng những gian hàng nguy nga đồ sộ. Có thể nói toàn cảnh Hội chợ này là phản ánh của xã hội Việt Nam. Người ta có thể xem qua các gian hàng mà biết được đại khái trình độ tân hóa của dân tộc Việt Nam ra thế nào vậy"⁽⁷⁾ (Nam Kỳ tuần báo, số 18 tháng 12/1942).

Đi sâu vào từng lĩnh vực, từng chuyên ngành, tác giả L.T.K đã chấm phá bức tranh chung của gian hàng mỹ thuật vừa cận cảnh phân tích từng bức tranh, từng phong cách nghệ sĩ trong bài viết *Mỹ thuật Việt Nam tại hội chợ Sài Gòn*. Đồng thời với việc điểm danh tên tuổi các họa sĩ Nguyễn Cao Thương, Nguyễn Huyền, U Văn An, Tô Ngọc Vân, G. Khánh, Lê Văn Đệ, Nguyễn Anh, Lưu Đình Khải, Nam Sơn, Lương Xuân Nhị, Lưu Văn Sin, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Đỗ Cung, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Văn Tý, Hoàng Kiệt..., tác giả lên tiếng bình phẩm: "Ở đây, trong Hội chợ Triển lãm Sài Gòn, có lẽ vì những sản phẩm của nghệ sĩ ta hơi nhiều (đó cũng tỏ nổi một sức làm việc ghê gớm), nên khiến cho người đến xem tranh hoa cả mắt, nhất là khi thấy đồ sơn đồ bạc, đồ gốm, đồ gỗ và tranh lẫn lộn, chen chúc nhau mà "đứng" mà "ngồi" (...). Bằng vào những họa phẩm như của Cẩn, của Nguyễn Đỗ Cung, Tô

Ngọc Vân, quả thật với mỹ thuật Việt Nam, ta đã thấy, đúng như lời của họa sĩ Foujita tuyên bố với một phóng viên An Nam, có rất nhiều đặc sắc. Nó không giống mỹ thuật Nhật hoặc Pháp và lúc nào cũng giữ được đặc sắc. Nhưng cái đặc sắc ấy nó chưa rõ hẳn cái tính cách An Nam (...). ở đây, ta phải ngừng lại trước tác phẩm của họa sĩ Hoàng Kiệt tả xứ Nam kỳ với hai "nhát" lá dừa và hai "cái mặt" Nam kỳ. Cái má phính phính, bầu bầu, cặp mắt và cặp môi mọng những sự sôi nổi, bên cái khăn quàng sắc sỡ. Tất cả đã nói rõ hầu hết những cái đặc sắc của Nam kỳ. Nét bút của họa sĩ Hoàng Kiệt, nếu ta đứng xa đủ tầm mắt mà nhìn, ta sẽ thấy nó rung động làm linh hoạt hẳn sự sống của những cô gái xứ dừa, và ta có cảm tưởng như sờ thấy thể chất của xác thịt xứ nóng"⁽⁸⁾ (Nam Kỳ tuần báo, số 18, tháng 12/1942).

Cùng đến với hội chợ, học giả Biệt Lam Trần Huy Bá trong bài *Tòa nhà trưng bày của Viện Bác cổ Viễn Đông ở Hội chợ Sài Gòn năm 1942-1943* đã trân trọng mở đầu: "Ai đã vào qua tòa nhà trưng bày của Viện Bác cổ Viễn Đông ở Hội chợ Sài Gòn, hẳn cũng nhận thấy cách xếp đặt thực là ngăn nắp. Đồ bày lại lựa chọn rất công phu, ngăn nọ qua ngăn kia được liên tiếp, khiến khách du qua đó trong vài mươi phút, nếu có ý nhận xét, cũng đã tạm biết được nguồn văn hóa xứ Viễn Đông này từ thượng cổ dĩ lai, văn học, mỹ thuật, đời nọ qua đời kia, đã tuần tự bày ra trên các bức tường, trong các tủ kính. Thực đã giúp cho các nhà chí nghiên cứu về cổ học một phần rất lớn vậy"... Tiếp đó tác giả tường thuật, mô tả, phân tích, dẫn giải chi tiết từng sơ đồ, từng tấm bản đồ, hiện vật, hình ảnh và từng điểm trưng bày⁽⁹⁾ (Tạp trí Tri tân, số 85+86, tháng 3/1943)...

Qua bốn bài du ký công vụ của bốn tác giả viết về Hội chợ Sài Gòn cuối năm 1942 có thể thấy được vị thế đất Sài Gòn-Gia Định trong việc tổ chức một cuộc triển lãm qui mô toàn cõi Đông Dương. Các trang viết về hội chợ cũng cho thấy hình ảnh và thực trạng đất nước thu nhỏ lại trong những gian hàng, đến nay đã thực sự trở thành những tư liệu quý hiếm để hình dung về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội một thời.

2.6. Trong số các trang du ký về đất Sài Gòn-Gia Định, nhà văn Thiều Sơn có riêng bài viết với nhan đề *Thành phố Sài Gòn*. Tác giả vừa ghi lại những hình ảnh, ấn tượng thoáng qua vừa nêu nhận xét, phát biểu cảm tưởng về chốn đô hội đang trên đà phát triển, nơi thu hút tinh hoa bốn phương đất nước: "Ở Sài Gòn những bức tường ngăn cách hầu như không kiên cố là bao, vì ở đây thiên hạ đông đảo, cá nhân như cảm thấy bị hút ở trong một hoàn cảnh to lớn, như cảm thấy ở đời không phải "duy ngã độc tôn" và như muốn hòa đồng với xã hội... Chính nhờ những liên lạc về xã giao như thế mà Sài Gòn có được một hoàn cảnh tinh thần đủ đương đầu với cái hoàn cảnh vật chất xa hoa (...). Chúng ta đã thấy những tay ký giả Pháp cộng sự và những nhà viết báo người Nam. Chúng ta còn thấy trong làng văn khăng khít những anh em Trung-Nam-Bắc (...). Mỗi lần có dịp đi chơi xa, tôi thường háng hái lúc ra đi, nhưng lại lật đật mong trở về để hô hấp cái không khí tinh thần của nơi thủ phủ miền Nam đất Việt"⁽¹⁰⁾ (Nam Kỳ tuần báo, số 77, tháng 3/1944)...

2.7. Vào cuối tháng 2/1944, học giả Biệt Lam Trần Huy Bá trong tư cách nhà khảo cổ học trên đường đến di chỉ khảo cổ gò Óc Eo (Rạch Giá) đã ở lại Sài Gòn suốt mười ngày. Trong bài lữ ký *Hai tháng ở gò Óc*

Eo (hay là câu chuyện đi đào vàng), ông dành một phần ba số trang kể chuyện những ngày ở Sài Gòn, chủ yếu miêu tả quang cảnh phố phường và cuộc sống sinh hoạt đời thường của người dân: "Sài Gòn đèn lửa sáng sủa và vui vẻ hơn Hà Nội nhiều (...). Ở các hè đường, người ta dựng quán bán hàng rất là phức tạp, nào là tạp hóa, đồ giải khát có lẽ đã chiếm một phần rồi, còn hàng phở tếu, hàng quà bánh, đủ các món ăn, toàn những món kỳ dị, mà ngoài Bắc không có bao giờ. Thôi thì họ tiện đâu ngồi đấy, chỉ những ăn cùng uống, từ sáng đến 2, 3 giờ đêm, chỗ nào cũng thế, các thợ thuyền làm đến độ 6 giờ chiều mới nghỉ, họ đi các tiệm, họ ăn, họ uống (...). Rồi ta ra phố, hai tai ta phải điếc vì những tiếng thanh la nã bạt và kèn sáo Tàu ở các cao lầu, với tiếng lách cách của con bài mạt chược suốt ngõ nọ phố kia. Đi dạo mà xem, chỗ nào cũng chỉ thấy những ăn cùng uống, mà ăn uống cho đến sáng vẫn chưa hết người. Ôi! Trông họ ăn mà mình phải ngấy! (...). Bây giờ lại thử đi quá ra bờ sông gần đấy, ta sẽ thấy cảnh náo nhiệt các ghe thuyền. Trên bờ thì xe điện chạy, dưới sông thì tàu thủy và ghe thuyền san sát như lá tre, hàng nghìn vạn cái... Nói tóm lại sự hoạt động ở bến tàu này nó đã làm ta nghĩ đến cuộc sinh hoạt của một thành phố lớn, mỗi ngày tiêu xài ăn phá kể biết chừng nào"⁽¹¹⁾ (Tạp chí Tri tân, số 168, tháng 11/1944; số 169, tháng 12/1944)...

3. Trên đây chúng tôi tập trung lược thuật những tài liệu cơ bản nhất thuộc thể tài du ký giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX liên quan đến miền đất Sài Gòn-Gia Định... Các tác giả đều thống nhất đề cao vị thế Sài Gòn-Gia Định là miền đất mở, có đầy đủ mọi tiềm năng và điều kiện để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và thực sự đã vượt lên,

đóng vai trò đi đầu trong công cuộc hiện đại hóa đất nước. Đây đồng thời còn là những trang ghi chép bằng chữ Quốc Ngữ thuộc thể tài du ký sớm nhất còn lại đến ngày nay...

Xét trên phương diện kiểu loại và nội dung hiện thực, có thể coi các thiên du ký trên là những trang sử bằng ngôn từ nghệ thuật, trong đó tái hiện trung thành hình ảnh cuộc sống, danh lam thắng tích, cảnh vật và con người Sài Gòn-Gia Định đã một đi không trở lại. Qua những trang du ký này, hậu thế có thể hiểu rõ hơn không khí lịch sử, hiện thực đời sống xã hội và phong tục tập quán một thuở một thời. Chúng tôi hy vọng rằng nếu sưu tập và xuất bản được một bộ sách chuyên về thể tài du ký giai đoạn đầu thế kỷ XX chắc chắn sẽ có ích cho đông đảo bạn đọc, giới nghiên cứu khoa học xã hội và những người quan tâm đến lịch sử văn hóa Sài Gòn-Gia Định cũng như con đường hòa nhập vào thế giới hiện đại nói chung. □

CHÚ THÍCH

(1) Xin xem: Nguyễn Hữu Sơn. *Phác thảo du ký Hà Nội trước Cách mạng tháng Tám*. Hà Nội ngày nay, số tháng 6/2000, tr. 22-23.

- *Thể tài du ký và các tác gia Nam bộ từ nửa cuối thế kỷ XIX đến 1945*. Kiến thức ngày nay, số 570, ra ngày 10/6/2006; tr. 12-15+120.

- *Thể tài du ký trên Tạp chí Nam Phong*. Nghiên cứu văn học, số 4/2007, tr. 21-38.

- *Du ký về vùng văn hóa Sài Gòn-Nam Bộ* trên Nam Phong tạp chí (1917-1934). Kiến thức ngày nay, số 619, ra ngày 20/10/2007, tr. 5-11.

(2) Trương Vĩnh Ký. *Chuyến đi Bắc kỳ năm áit Hợi*. Trong sách: *Tuyển tập văn học chữ viết Bến Tre* (Nguyễn Nhị Hà- Nguyễn Phương Thảo sưu tập, tuyển chọn). Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 139-181.

(3) Phạm Quỳnh. *Một tháng ở Nam kỳ*. Tạp chí Nam phong, số 17, tháng 11/1918 và số

19+20/1919. Tuyển in trong *Du ký Việt Nam - Tạp chí Nam phong (1917-1934)*, Tập II (Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm, giới thiệu). Nxb. Trẻ, TP. HCM, 2007, tr.145-253. Các trích dẫn ở đây đều theo sách này.

(4) Mẫu Sơn Mục N.X.H. *Lược ký đi đường bộ từ Hà Nội vào Sài Gòn*. Tạp chí Nam Phong, số 129, tháng 5/1928. Tuyển in trong *Du ký Việt Nam - Tạp chí Nam phong (1917-1934)*, Tập II (Nguyễn Hữu Sơn sưu tầm, giới thiệu). Nxb. Trẻ, TP. HCM, 2007, tr. 25-44.

(5) Tân Đà. *Hai vườn bách thú*. Đông Pháp thời báo, số 635-1927. Tuyển in trong *Văn học Việt Nam thế kỷ XX (Tạp văn và các thể ký Việt Nam, 1900-1945)*, Quyển Ba, Tập II (Trịnh Bá Đĩnh chủ biên). Nxb. Văn học, Hà Nội, 2007, tr. 26-28.

(6) Thiệu Sơn. *Ba lần đi xem Hội chợ Sài Gòn*. Nam Kỳ tuần báo, số 18, tháng 12/1942. Tuyển in trong *Văn học Việt Nam thế kỷ XX (Tạp văn và các thể ký Việt Nam, 1900-1945)*, Quyển Ba, Tập III (Trịnh Bá Đĩnh chủ biên). Nxb. Văn học, Hà Nội, 2007, tr. 766-769.

(7) Trúc Hà. *Hội chợ năm nay có những gì?* Nam Kỳ tuần báo, số 18, tháng 12/1942. Tuyển in trong: *Văn học Việt Nam thế kỷ XX... Sdd*, tr. 776-780.

(8) L. T. K. *Mỹ thuật Việt Nam tại Hội chợ Sài Gòn*. Nam Kỳ tuần báo, số 18, tháng 12/1942. Tuyển in trong: *Văn học Việt Nam thế kỷ XX... Sdd*, tr. 781-785.

(9) Biệt Lam Trần Huy Bá. *Tòa nhà trưng bày của Viện Bác cổ Viễn Đông ở Hội chợ Sài Gòn năm 1942-1943*. Tạp chí Tri tân, số 85+86, tháng 3-1943. Tuyển in trong *Tạp chí Tri tân (1941-1945) - Truyện và ký (Lại Nguyên Ân - Nguyễn Hữu Sơn sưu tập)*. Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000, tr. 464-473.

(10) Thiệu Sơn. *Thành phố Sài Gòn*. Nam Kỳ tuần báo, số 77, tháng 3/1944. Tuyển in trong *Văn học Việt Nam thế kỷ XX... Sdd*, tr. 770-783.

(11) Biệt Lam Trần Huy Bá. *Hai tháng ở gò Óc Eo (hay là câu chuyện đi đào vàng)*. Tạp chí Tri tân, số 168, tháng 11/1944; số 169, tháng 12/1944. Tuyển in trong *Tạp chí Tri tân (1941-1945)... Sdd*, tr. 686-711.